

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 47

Phẩm 22: ĐỨC VƯƠNG (Phần 3)

- Nói về nghĩa bất định của bốn hạng người tội như Hộ Pháp..
- Nói về nghĩa Xiển-đề dứt mắt gốc lành.
- Nói rộng Chư Phật chẳng phải trời, chẳng phải không phải trời
v.v...

- Nói về nghĩa ba lậu.

- Nói nghĩa bảy lậu.

“Này người thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát” cho đến “Đó gọi là không nghe mà nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã nói “Tác nhân” của hữu vi là vô thường, Niết-bàn từ liễu nhân” mà được nên là thường. Nếu vậy, thì mười hai bộ kinh đều là “Liễu nhân” của Niết-bàn, tức là kinh, với văn, nghĩa sâu sắc, kín đáo, người Nhị thừa chẳng nghe được.”

Trong kinh Thanh văn, Duyên giác không nói Xiển-đề có Phật tánh. Cho nên nói lại việc này là vì muốn phát câu hỏi của Bồ-tát Đức Vương.”

“Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Đức Vương” cho đến “Vì sao gọi là Nhất-xiển-đề?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát Đức Vương dùng hai câu hỏi: Đầu tiên, dùng câu hỏi về Phật tánh là một, thành nghĩa không nhất định của Niết-bàn thứ năm ở trước: “Nếu Phật tánh là thiện, thì lẽ ra phải ngăn ngừa địa ngục và Xiển-đề? Nếu tánh là thường, thì nên ngăn ngừa làm cho chẳng vô thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là sự phát sinh của câu hỏi do ở trước mà có. Trong sáu câu hỏi ở trước, câu đầu làm cho vốn “Không” mà nay “Có”. Đức Như lai đã giải thích về nghĩa này, đồng thời nói chẳng phải mới có, là nói lý Phật tánh, nói lên muôn hóa ở ngoài sinh tử. Chỉ thú đó đã rõ ràng. Bồ-tát Đức Vương tiếp nối với lời nói “Vốn

có”, bèn cho Phật tánh và ấm là một. Ấm đã vô thường, thì sẽ làm cho Phật tánh cũng vô thường. Trong đây có tám câu, ba câu hỏi trước làm cho không được “Đã có”. Nếu “Có” thì lẽ ra thấy được tác dụng. Nếu “không” thì lúc Kim cương lui mới “Có”. Lại trở thành trước kia không mà nay “Có”, tức là vô thường. Năm câu sau, là hỏi về vô thường. Xét về lý do câu hỏi không nhất định, trước kia, Phật đáp câu hỏi của Bồ-tát Cao Quý, nói về lý không nhất định. Nay, nêu câu hỏi: “Nếu lấy “không nhất định để làm cho “Không nghe” được nghe, thì lẽ ra sinh lại. Đầu tiên là hỏi: “Nếu có Phật tánh thì lẽ ra có tác dụng, tức lẽ ra phải ngăn chặn địa ngục, đàng này hiện nay, người phạm bốn giới cấm, năm tội nghịch sẽ không tránh khỏi đường ác. Phải biết rằng trong thân chẳng phải “Vốn có”. Nếu không phải “Vốn có”, tức là vô thường.

Câu hỏi thứ hai: “Nếu quyển sau nói: Nếu trong “Thân có tánh, tánh này đã thường, thì lẽ ra có dụng là thường, lạc,” vì sao lại nói là không có thường, lạc, ngã ư? Nếu ngã vô thường thì trong thân sẽ không thể có tánh.”

Câu hỏi thứ ba: “Xiển-đề dứt điều lành, mà nói rằng đã có Phật tánh, tức lẽ ra đã bị xiển-đề dứt bỏ. Nếu ông nói “Dù có Phật tánh, nhưng không thể dứt”, thì lại không được nói rằng chẳng có thường, lạc, ngã. Nếu nói rằng tức thời chưa có, thì chính là nghĩa “Vốn không có”. Vả lại, nếu có tánh, thì sẽ không thể làm cho dứt được, tức là nghĩa xiển-đề, lẽ ra không thành tráo trở, nêu lên câu hỏi.

Phạm bốn tội nặng, gọi là không nhất định, nghĩa là trước kia, vì y theo bốn hạng người trong tà định, vì không nhất định nên thuộc về vô thường.

2. Y theo vào nhóm chánh định, thì người Nhị thừa không nhất định, nên thuộc về vô thường.

3. Y theo Như lai, nói về không nhất định.

4. Y theo Niết-bàn nói về không nhất định.

5. nêu chung tất cả pháp thông suốt nhân quả đều không nhất định. Dưới cho đến xiển-đề, trên cho đến Chư Phật. Xiển-đề là cội nguồn của điều ác cùng tội, vì nó không nhất định là người sẽ được thành Phật. Đức Như lai là cùng cực của điều lành, cũng do nghĩa không nhất định, trở thành sinh tử. Dù có năm câu hỏi, nhưng đại ý là hỏi về quả.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau câu hỏi thứ hai của Bồ-tát Đức Vương, quyển sau mới đáp. Vì sao? Vì ở trước đáp câu hỏi đầu, sau nói rằng: “Người phạm trọng cấm và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Nay đối với kinh này mà được nghe”, Bồ-tát Đức Vương nay nhân lời nói

này lại nêu ra hai câu hỏi: Đức Phật đã chính thức khiển trách, nổi hoài nghi này trước tiên, nên sau là giả đáp, nhắm vào tướng mạo Niết-bàn của Đại thừa, Tiểu thừa.

Trong hai câu hỏi sau, câu hỏi đầu có năm quan điểm: Nếu cho rằng người phạm tội nặng và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh, Phật tánh là thiện, vì sao đạo vào địa ngục. Quan điểm thứ hai nói: Nếu là bình đẳng thì tất nhiên có Phật tánh, không nên nói rằng chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh.

Quan điểm thứ ba nói: “Nếu dứt gốc lành thì gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh là điều lành, vì sao không dứt?”

Quan điểm thứ tư nói: “Nếu quả Phật tánh dứt, thì sao lại nói là thường lạc, ngã, tịnh?”

Quan điểm thứ năm nói: “Nếu Phật tánh không dứt thì lẽ ra không được gọi là Nhất-xiển-đề.

Dù có năm quan điểm này nhưng đều xoay vần làm thành tựu lẫn nhau, dứt kết chung một câu hỏi.”

Pháp-Sư Trí-Tú nói: “Do Đức Phật đã đáp câu hỏi ở trước rằng: “Niết-bàn chẳng phải vốn không mà nay có, thể chẳng phải là pháp nghe”. Lược thứ ba này lại đặt ra câu hỏi về chấp Xiển-đề không có tánh, kể cả không nhất định, khiến cho thể Niết-Bàn trở thành vốn không mà nay có, tức là pháp nghe được vô thường. Ba câu đầu là câu hỏi dù khác nhau, nhưng về ý thì vì muốn làm cho Phật tánh chẳng phải “Vốn có”, Niết-bàn lẽ ra “Vốn không” chẳng thể không phải là pháp nghe. Năm câu sau đặt ra câu hỏi không nhất định để trách cứ, làm cho các pháp đều không nhất định. Niết-bàn đã như vậy, thì lẽ ra lại là vô thường, trở thành pháp nghe.”

“Bạch Đức Thế tôn! Phạm bốn tội nặng, gọi là Bất định” cho đến “Nhất-xiển-đề... sẽ được Niết-bàn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu hỏi thứ hai: “Xiển-đề lẽ ra không thành Phật. Vì sao? Vì bốn hạng người đều là tà định. Nếu tà định không nhất định thì chánh định lẽ ra cũng không nhất định. Nếu không nhất định thì Niết-bàn, chẳng phải thường. Nếu có thường, lạc thì xiển-đề lẽ ra không thành Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây sẽ đặt ra câu hỏi về Bất định. Ở trước đều nêu các việc bất định. Sau đó, kết các câu hỏi. Nếu xiển-đề là bất định thì sau cũng sẽ thành Phật. Muôn pháp đều như vậy. Niết-bàn đã là số của muôn pháp, lẽ ra cũng bất định, lại có thể tạo ra sinh tử.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu quả là bất định thì phải biết rằng sẽ không có thường, lạc.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu” cho đến “Ta sẽ phân biệt, giảng nói cho ông nghe.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sẽ đáp câu hỏi, trước là khen ngợi Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu đã chứng được lý, gồm cả khuyển răn.”

“Này người thiện nam! Nhất-xiển-đề cũng không quyết định” cho đến “Vì không quyết định cho nên có thể được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước đáp, sau hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Y theo phần đáp thì trước là đáp câu hỏi thứ tư, ở trước Bồ-tát đã dẫn chứng bốn thứ tà định để làm câu hỏi. Nay, lại nêu xiển-đề. Sau, lại trải qua bốn người xuất định. Kế là đáp câu hỏi thứ ba, thế của nghĩa là gồm đáp câu hỏi thứ nhất, thứ hai. Dưới đây, đáp về Nhị thừa xong, chưa đáp câu hỏi thứ năm. Trước đáp câu hỏi thứ sáu về Niết-bàn. Câu đầu, thật sự như lời ông nói, chính là do không nhất định, nên được thành Phật, chỉ vì pháp không thể có một loại, nên muốn cho Niết-bàn cũng không nhất định. Vì sao? Vì nói về pháp có đồng, khác. Nếu là hữu vi thì sẽ có ba thứ, do thể của chúng vô thường, nên là giả nối tiếp nhau, do chúng không có tự tánh, nên có nhân nhất thời trở thành giả. Vì đối đãi nhau mà được gọi tên, nên có giả đối đãi nhau. Nay, Niết-bàn chỉ đối đãi nhau trong danh từ mà thôi. Do nghĩa như thế, nên cũng là nghĩa gọi không nhất định, vì Niết-bàn kia là thường. Vì tránh khỏi tướng của hai giả, nên là thật sự không nhất định.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chưa phải đáp một cách thích đáng mà là lược nêu câu hỏi thứ hai để mở rộng tâm cho mọi người, làm sao cho thể của muôn pháp sẽ không có tướng cố định.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Sở dĩ Đức Phật giải đáp riêng, là vì câu hỏi thứ tư là muốn nói về xiển-đề thành Phật, biết được việc lành đã bị dứt chứ không phải dùng Phật tánh để thành lập nghĩa của ba câu hỏi trước. Câu hỏi thứ nhất này, trước nêu câu hỏi thứ tư, về việc thứ tư, vì muốn nói là xiển-đề sau này sẽ được thành Phật, nên biết được việc lành đã bị cắt đứt, trong nhân chứ chẳng phải Phật tánh, để thành lập nghĩa của ba câu hỏi trước.”

“Như ông vừa nói Phật tánh không dứt” cho đến “Vì chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, nên không dứt được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ ba, xuất xứ từ lý

thì gọi là trong, không từ lý, thì gọi là ngoài. Trong, ngoài đều là tánh thì không thể dứt.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây sẽ đáp câu hỏi thứ ba trong ba câu hỏi ở trước. Về ý của câu hỏi ở trước là muốn cho gốc lành của xiển-đề đã dứt, thì tánh cũng nên dứt. Nay, Đức Phật đáp rằng: “Việc lành có hai thứ: Ngoài và trong. Nghiệp của ý lành là bên trong, nghiệp của thân, miệng lành là bên ngoài. Vì Phật tánh chẳng phải trong ngoài, nên chẳng phải vô thường. Phật tánh của xiển-đề là sẽ có, không phải đã có, thì đâu thể khiến trách, ngăn ngừa địa ngục. Đã nói sẽ có thì đâu có nghĩa thường, lạc, ngã, tịnh, với tư thế có thể gồm đáp câu hỏi thứ nhất, thứ hai.

Lại, có hai thứ, nói rộng về Phật tánh khác nhau. Ở đây nói vô lậu là nhân địa vô lậu, chẳng phải thường, nghĩa là Phật tánh khác với chỗ diệt của ba tâm và ba vô vi thường. Nếu dứt được rồi, thì gọi là xiển-đề, nói là việc lành mới khởi sự làm là có thể dứt. Về sau, vì lại được trở lại, nên do việc dứt điều lành mới bắt đầu tạo tác, thành ra gọi là xiển-đề. Lý Phật tánh là thường. Tánh tướng thường như vậy, đâu thể dứt ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói chính là: “Nêu câu hỏi thứ nhất, để đáp lời ta nói ở trên rằng, ví dụ nêu ra có Phật tánh, chỉ có tánh của chánh nhân, vốn không có duyên nhân, vì sao lại đặt ra câu hỏi này mà làm cho vì đã dứt sự sinh rồi lại được việc lành, nên có tên là xiển-đề.

Điều lành có hai thứ: Một là trong; hai là ngoài. Nếu ý địa đã sinh ra việc lành thì gọi trong, từ thân miệng mà sinh ra việc lành là ngoài. Tánh của chánh nhân chẳng thuộc về việc lành trong ngoài này, nên không dứt hữu lậu, vô lậu: Nếu với tướng hẹp hòi mà khởi lên việc lành thì gọi là hữu lậu. Nếu đối với “Duyên” gọi là cảnh “Giải” thì sẽ không cùng có với “Hoặc”, gọi là vô lậu. Nói về tánh của chánh nhân cũng chẳng phải hai điều lành này, cho nên chẳng dứt.

Thường, Vô thường: Trước kia, điều lành trong diệt Đế gọi là Thường. Được khởi từ trong duyên gọi là Vô thường. Tánh của chánh nhân cũng chẳng phải là thiện thường, thiện vô thường, cho nên không dứt bỏ, mà chánh nhân Phật tánh nếu có thể dứt bỏ, thì lẽ ra phải đồng với điều lành đã nêu trên. Nhưng nay không phải như vậy, nên biết không dứt, mà chính là vì dứt các duyên mà sinh ra điều lành, nên được gọi là Nhất-xiển-đề.”

“Lại, có hai thứ gốc lành: Thường và Vô thường” cho đến “Phật tánh chẳng phải thường, vô thường cho nên không dứt .”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chánh nhân là thường, duyên

nhân là vô thường.”

“Nếu là dứt bỏ gốc lành thì lẽ ra lại được” cho đến “Nếu dứt bỏ gốc lành rồi thì sẽ được gọi là Nhất-xiển-đề.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về năng lực của pháp “Khởi tác”, khuynh loát nhau khởi tà kiến, dứt bỏ gốc lành, đọa địa ngục, khởi chánh kiến, thì sẽ dứt bỏ xiển-đề, ngăn dứt địa ngục. Phật tánh chẳng phải “Khởi tác”, nên không thể ngăn dứt vô thường của địa ngục. Và xiển-đề là đáp chung ba câu hỏi trước.”

“Người phạm bốn tội nặng, cũng không nhất định” cho đến “Thấy tất cả pháp, đều là tướng vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người phạm bốn tội nặng, còn gọi là đáp câu hỏi sau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là đáp câu hỏi thứ hai, nói về xiển-đề, dù ngay khi dứt bỏ gốc lành, về sau, nếu lúc gốc lành phát ra, xiển-đề kia chắc chắn sẽ thành Phật; không dừng lại giữa chừng. Nếu là nhất định, thì làm sao thành Phật được? Niết-bàn mới là số của muôn pháp, vì thế, dụng của Niết-bàn là nhất định, nên không được đồng với sự giả dối không thật của sinh tử, mà là thể chân thật không nghiêng động, dấu vết không có tướng mạo nhất định. Trước nói mười ví dụ để nói muôn pháp là luống dối, sau nói rộng về hóa độ chúng sinh.”

“Này người thiện nam! Cũng có tướng nhất định” cho đến “Được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói là Niết-bàn, vì đối lập với hai mươi lăm cõi, nên thuộc về nhất định.”

“Này người thiện nam! Hôm nay, Như lai đang ở trong rừng Ta-la Song Thọ, thành Câu-thi-na” cho đến “Như lai Niết-bàn cũng không nhất định như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Niết-bàn có Đại, Tiểu cũng có nhiều nghĩa. Nay, chỉ cho bốn nghĩa: Thường, lạc, ngã, tịnh của Đại Niết-bàn là nhất định, nghĩa khác đều bất định. Như pháp hữu vi vô thường, khổ là nhất định, nghĩa khác không nhất định. Hai phần mở đầu không thể thiêu đốt, nghĩa là hai thân chân và ứng không thể diệt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ đây trở xuống, cho đến câu “Chẳng phải thuyết, chẳng phải phi thuyết”, phải biết rằng, thân Như lai chẳng phải Như lai, chẳng phải không phải Như lai. Cho nên, Như lai không nhất định.”

“Này người thiện nam! Nên biết rằng Như lai cũng lại không nhất định” cho đến “Do nghĩa này nên Như lai không nhất định.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Một câu phi Thiên ở trước, bốn loại trời, nói Như lai đều chẳng phải. Từ phi nhân trở xuống, trước nêu xong, sau là giải thích theo thứ lớp.”

“Này người thiện nam! Vì sao Như lai không gọi là thế Thiên” cho đến “Thế nên Như lai cũng chẳng phải không nhất định.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói tướng chúng sinh; tự nói: “Ta là Sư tử trong loài người.” Các tướng đều có tướng riêng khác: Như mắt không ngửi được mùi hương, tai không thấy sắc. Chư Phật không phải như vậy, chỉ có một tướng, nghĩa là có thể dùng pháp thân làm mắt, không thể dùng sáu căn để phân biệt. Phẩm Kim Cương Thân nói: “Trừ một pháp tướng, không thể dùng một tướng trời, người để gọi. Pháp giới của Như lai nghĩa là pháp tánh của Như lai. Từ lâu đã xa lìa các tướng, nghĩa là ở trên đã nói về ba mươi hai tướng, dưới đây sẽ nói Như lai từ lâu đã lìa bỏ việc này.

Khéo biết các tướng: Tùy chúng sinh thích ứng với các tướng mạo, Như lai đã biết rõ, vì họ mà ứng hiện. Vì tướng hư không, nghĩa là hư không chẳng có phân biệt. Như lai không phải như vậy.”

“Như lai chẳng phải hữu lậu. Vì sao?” cho đến “Như lai đã dứt hẳn, cho nên chẳng phải hữu lậu.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau đây là giải thích chẳng phải hữu lậu. Trước nói chung chẳng phải ba lậu. Từ sau ba lậu khởi bảy lậu; hai là hữu lậu, năm là nhân duyên trợ lậu. Nhân duyên đó có khi từ đạo đối trị mà đặt tên, có khi từ nhân mà đặt tên. Vì sắp nói khởi kiến, nên trước nói về tâm nghi ngờ. Đây là lý do của kiến.”

Và một cách giải thích khác: Sinh sáu thứ kiến: Đây chính là Kiến lậu, không có tự thể riêng, tư duy về nghĩa lậu, tự có thể biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chư Phật có khả năng lưu lại tích thể cùng tận như vậy không có tất cả lậu, có tất cả công đức, nên có chỗ vận dụng là dứt bật cảnh giới trời, người, phàm phu vì đủ các lậu, nên không có thân đức này.

Dưới đây, bỏ nhân tức là nói rộng về lỗi khởi lậu của phàm phu. Nếu xét về nguồn gốc của lậu kia, không ngoài tư duy kiến đế, mà hai lậu là gốc. Chính vì có hai lậu này, nên có thể sinh nhiều các lậu. Nay, một mặt nói về lậu, phần lớn có bảy thứ. Nếu lìa ba lậu thành bảy, thì cũng không bao giờ lìa tư duy kiến đế. Bảy lậu là:

1. Kiến đế lậu.
2. Tư duy lậu.
3. Căn lậu.

4. Lìa lậu.
5. Thân cận lậu.
6. Thọ lậu.
7. Niệm lậu.

Sau đây, sẽ bỏ thứ lớp, giải thích bảy môn này, nói lại lỗi lầm của lậu kia. Nếu người tu hành phải nương vào Đại Niết-bàn này để tạo ra quán giải, thì lậu kia diệt ngay, thường được vô vi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Sau đây là bắt đầu nêu ba lậu trong bảy lậu, chính thức ra khỏi tư duy kiến đế, làm thể của chánh lậu, kể là ra khỏi kiến nghi, làm sáng tỏ riêng lậu kiến đế.”

Lại nữa, “Tất cả phàm phu không thấy hữu lậu” cho đến “Thường tu hạnh Thánh thế cho nên vô lậu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sau đây là giải thích bảy lậu. Hữu lậu thấy lậu là lậu chân thật, năm thứ còn lại là nói nhân lậu. Trong hữu lậu được chia thành hữu lậu và kiến lậu, vì tự nghi ngờ sinh nên trước nói, bởi phàm phu không thấy lỗi của hữu lậu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hai lậu trước là chương môn. Nói ta chấp ngã: Thấy ngã giả mà chấp là ngã thật, cũng có thể Phật địa là ngã chân thật mà chấp thành cái ngã của lúa mì, dầu mè. Ngã chấp không có ngã: Đức Phật thật sự là ngã, chấp là vô ngã. Không có ngã, chấp là ngã: Đối với sinh tử, chấp ngã là thường, sinh ra sáu thứ kiến. Quyết định có ngã, khởi thân kiến. Vô ngã là chấp đoạn.

Không có ngã chấp là ngã: Như ngủ là vô ngã, thấy nơi tịnh sắc. Ngã chấp ngã, nghĩa là dùng sức định thấy vi lai nối nhau không dứt. Ngã chấp vô ngã, nếu nắm lấy bốn ấm làm “Ngã”, thấy sắc chẳng phải “Ngã”, hãy nêu một ngã, rồi tự giải thích là không tồn tại. Ngã làm cho nhận biết, ba câu này là một. Đây là dùng làm nhỏ khác, không ngoài thân kiến. Nếu không như vậy, thì quyết định ở trước là chương môn, “Ngã” ở phần sau làm biết, lại làm ba câu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là chính là phát ra thể lậu, nói bảy lậu này đều không lìa tư duy kiến đế. Nhưng vì chúng sinh si mê nặng nề, nên các thứ chấp giả dối đều không được pháp thật. Nhân là nghi, kiến sinh ra sáu thứ tâm, nghĩa là ở hai tâm bắt đầu: Quyết định có ngã và quyết định không có ngã là câu chung, e rằng chẳng phải là số sáu.

“Ngã chấp ngã, nghĩa là tâm thứ nhất chỉ có giả gọi là “Ngã”, do phàm phu chấp có pháp của một ngã tánh.

“Ngã” chấp không có ngã: Tâm thứ hai Đức Phật thật sự là chân

ngã, chấp ngang trái thành không có ngã.

Vô ngã chấp là “Ngã”: Tâm thứ ba thật sự không có thân ngã, nhưng là giả gọi là chấp ngã: Nói là ngã của thật tánh. Ba tâm còn lại dưới đây, là tác giả, thọ giả và tri giả do phàm phu chấp giả dối, cho nên thành tà kiến. Đức Như lai đã dứt hẳn nguồn gốc hữu lậu này, cho nên chẳng phải lậu.”

“Này người thiện nam! Phàm phu không thể khéo nhiếp năm căn” cho đến “Quán sát năm dục có nhiều lỗi xấu ác như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sau đây là nói về căn lậu. Dựa vào sáu căn mà khởi, gọi là căn lậu, nếu thu nhiếp sáu căn, chế ngự không làm điều sai lầm, thì điều xấu ác sẽ chấm dứt. Nếu y theo pháp đối trị thì gọi là giới lậu.”

Lại nữa, “Đại Bồ-tát quán sát các chúng sinh” cho đến “Đã dứt hẳn cõi rễ, nên chẳng phải lậu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai mươi lăm dậm dụ cho hai cõi. Dùng tướng nhiếp làm thí dụ. Vua dụ cho Phật. Một quan dụ cho Bồ-tát. Bát dậu dụ cho niệm, tuệ.”

Dứt mạng của ông, nghĩa là vì mất niệm, tuệ, nên tuệ mạng dứt. Một người rút dao, dụ cho tinh tấn thấy tịnh, bất sinh sắc tướng” cho đến “Thức cũng như vậy”, nói về chân tục. Quán chân thì vô sắc, quán tục thì thấy khổ, không tạo ra tướng sinh” cho đến “Không tạo ra tướng nhân. Sinh diệt là hành khổ, nhân là tập. Giải thích trong chân, còn không có khổ tập, hướng chi là quán sắc tịnh. Tướng hòa hợp nghĩa là hòa hợp tục, khổ này là tập.

“Lại nữa, này người thiện nam! Lại có lìa lậu” cho đến “Tư duy về ý nghĩa của sự lìa đó, đó gọi là lìa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lìa là đi, qua tức trước kia đã nói là thể lìa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là nói về lậu ác. Nếu từ đạo đối trị thì gọi là lìa lậu. Như giáo xưa đã nói về bò dữ, ngựa dữ, tri thức dữ... . Nếu người lớn gặp phải pháp ác, thì khuyên bảo hãy tránh xa. Y cứ kinh nay để luận, nhìn thẳng là sinh tử không có “Ngã”, liền được xa lìa. Vì sao? Đã là thể của Chư Phật được pháp làm thầy, thì biết sinh tử là luống dối. Vì y theo Như lai tạng mà có, nên không cần phải tránh xa.

Từ câu “Thế nào là gần gũi lậu” trở xuống, là câu thứ năm: “Nếu gần gũi y phục, uống ăn, thì con người sẽ sinh lòng tham, nhiễm, dứt tuệ mạng. Nếu không mê đắm bốn việc này, thì tức là điều lành sẽ được tăng thêm suốt ngày đêm, việc xấu ác sẽ dứt dần. Nếu y cứ pháp đối trị

thì gọi là lậu gần.”

“Này người thiện nam! Vì sao ta đều không thấy” cho đến “Tâm không gây ra điều ác như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đã nói người truyền bá kinh, ở đây nói kinh là lừa.”

“Này người thiện nam! Ví như ở thế gian có người giỏi về chú thuật” cho đến “Có vô lượng công đức như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thầy dạy hiền lành, đệ tử cung kính. Do hai việc này, có công năng tiêu diệt điều xấu ác. “Chú thuật” trở xuống, là dụ cho công năng của kinh này.”

